

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM QUẢNG TRỊ

Căn cứ Quyết định số 01/2015/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Cao đẳng;

Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT, ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập;

Căn cứ Thông tư số 36/2020/TT-BGDĐT, ngày 05/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định chế độ làm việc của giảng viên trường cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 71/2015/QĐ-CDSP, ngày 02/4/2015 của Hiệu trưởng trường CDSP Quảng Trị ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CDSP Quảng Trị;

Căn cứ Biên bản Hội nghị cán bộ chủ chốt, họp ngày 16/11/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Chính trị & CTSV, trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ làm việc của giảng viên trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2020.

Trưởng phòng Tổ chức – Chính trị & CTSV, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các đơn vị trực thuộc, các tổ chức đoàn thể và giảng viên nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Đảng ủy, BGH;
- Như Điều 2;
- Lưu: TC-CT&CTSV, VT.



Trương Đình Thăng

## QUY ĐỊNH

### **Chế độ làm việc của giảng viên trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6157/QĐ-CĐSP, ngày 26/11/2020

của Hiệu trưởng Trường CĐSP Quảng Trị)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chế độ làm việc đối với giảng viên giảng dạy, bao gồm: nhiệm vụ của giảng viên; định mức thời gian làm việc; giờ chuẩn giảng dạy; quản lý, sử dụng và áp dụng thời gian làm việc.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp và những cán bộ, viên chức có chức danh khác được giao nhiệm vụ làm giảng viên (sau đây gọi chung là chức danh giảng viên) thuộc biên chế sự nghiệp giáo dục & đào tạo của Trường Cao đẳng sư phạm (CĐSP) Quảng Trị.

#### **Điều 3. Mục đích**

1. Làm căn cứ để Hiệu trưởng phân công, bố trí, sử dụng, tăng cường hiệu lực công tác quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động đối với giảng viên.
2. Làm căn cứ để cơ quan quản lý giáo dục kiểm tra, thẩm định, đánh giá và xây dựng chính sách, chương trình đào tạo, bồi dưỡng giảng viên.
3. Làm cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
4. Làm cơ sở để Hiệu trưởng đánh giá, xếp loại giảng viên hàng năm và đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của giảng viên.

#### **Điều 4. Nhiệm vụ của chức danh giảng viên**

Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT, ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập.

## Chương II

### THỜI GIAN LÀM VIỆC, GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

#### **Điều 5. Thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và định mức giờ chuẩn giảng dạy**

1. Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng

đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, được xác định theo năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định.

2. Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng một công việc nhất định thuộc nhiệm vụ của giảng viên tương đương với một tiết giảng lý thuyết trình độ cao đẳng trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến), bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

3. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn giảng dạy, trong đó một tiết giảng lý thuyết trình độ cao đẳng trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) 50 phút được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy.

4. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên trong một năm học được quy định 270 giờ chuẩn giảng dạy (tương đương 810 giờ hành chính); trong đó, giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) phải đảm bảo tối thiểu 50% định mức quy định.

#### 5. Trường hợp đặc biệt

a) Giảng viên trong thời gian tập sự, thử việc chỉ thực hiện tối đa 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy, đồng thời được miễn giảm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học để dành thời gian tham gia dự giờ và tham gia thực tập, thực tế.

b) Giảng viên trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của Bộ luật Lao động hiện hành được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ.

c) Giảng viên định biên tại trường PTLC thì thực hiện theo Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp giảng viên định biên tại trường PTLC tham gia giảng dạy bậc cao đẳng thì được quy đổi theo tỷ lệ 01 giờ chuẩn bậc cao đẳng bằng 1,3 tiết phổ thông. Giảng viên thuộc đối tượng này được áp dụng từ năm học 2021 – 2022.

#### 6. Tổng quỹ thời gian theo chức danh giảng viên cho từng nhiệm vụ

Trong một năm học giảng viên phải thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác đảm bảo đủ 1.760 giờ hành chính theo quy định.

a) Quỹ thời gian này được phân chia theo chức danh giảng viên và cho từng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

Nhiệm vụ	Giảng dạy	Nghiên cứu khoa học	Phục vụ cộng đồng và thực hiện các hoạt động chuyên môn khác
Giảng viên	810 giờ hành chính (270 giờ chuẩn giảng dạy)	690 giờ hành chính (230 giờ chuẩn giảng dạy)	260 giờ hành chính

b) Trong trường hợp giảng viên thực hiện các nhiệm vụ trên mà chưa đủ 1.760 giờ hành chính trong năm học thì Hiệu trưởng sẽ căn cứ tình hình thực tế để giao thêm nhiệm vụ kiêm nhiệm khác để đảm bảo đủ 1.760 giờ hành chính.

#### 7. Việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyên môn và các

nhệm vụ khác, các Phòng chức năng cụ thể hoá bằng quy định phù hợp đảm bảo theo định mức thời gian làm việc của giảng viên.

**Điều 6. Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể**

1. Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể (trừ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh) có nghĩa vụ giảng dạy tối thiểu theo định mức dưới đây (tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn quy định):

Stt	Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể	Định mức tối thiểu
1	Chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng	15%
2	Phó hiệu trưởng	20%
3	Trưởng phòng và tương đương (trung tâm)	25%
4	Phó trưởng phòng và tương đương (trung tâm)	30%
5	Trưởng khoa, phó trưởng khoa và tương đương (tổ trực thuộc)	
	Đối với khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên	
a)	- Trưởng khoa	60%
	- Phó trưởng khoa	70%
	Đối với khoa có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 người học	
b)	- Trưởng khoa	70%
	- Phó trưởng khoa	80%
6	Trưởng bộ môn	80%
7	Phó trưởng bộ môn, chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập	85%
8	Bí thư đảng ủy	15%
9	Phó bí thư đảng ủy	30%
10	Ủy viên ban thường vụ đảng ủy	45%
11	Ủy viên ban chấp hành đảng ủy	80%
12	Bí thư chi bộ, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Chủ tịch hội cựu chiến binh	85%

13	Phó bí thư chi bộ	90%
14	Giảng viên làm công tác quốc phòng, quân sự không chuyên trách quy định tại Nghị định số 168/2018/NĐ-CP ngày 28/12/2018 của Chính phủ về công tác Quốc phòng ở Bộ, ngành trung ương, địa phương.	80%
15	Giảng viên đang là quân nhân dự bị, tự vệ được triệu tập huấn luyện, diễn tập hàng năm, thời gian tham gia huấn luyện, diễn tập được tính quy đổi một ngày làm việc bằng 2,5 giờ chuẩn giảng dạy.	
16	Giảng viên làm công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hội liên hiệp thanh niên thực hiện theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.	
17	Giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Chủ tịch, Phó chủ tịch công đoàn: giảm 76 tiết/năm học - Ủy viên BCH, Tổ trưởng tổ công đoàn: giảm 38 tiết/năm học	
18	Giảng viên nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng: giảm 34 tiết/năm học	
19	Định mức số tiết giảng viên thực hiện theo chức vụ và các nhiệm vụ kiêm nhiệm ở phổ thông thực hiện theo Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	

- Giảng viên giữ nhiều chức vụ chính quyền hoặc đảng và đoàn thể thì được áp dụng mức giảm định mức cao nhất theo các chức danh kiêm nhiệm. Định mức tối thiểu được áp dụng để tính sau khi đã trừ số tiết đối với các chức danh kiêm nhiệm.

- Giảng viên được bố trí làm việc tại các Phòng/Trung tâm thực hiện 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên theo quy định này.

- Giảng viên kiêm văn phòng khoa, tổ chuyên môn có dưới 80 sinh viên được tính 60 giờ chuẩn/năm học, dưới 120 sinh viên 80 giờ chuẩn/năm học, dưới 160 sinh viên 100 giờ chuẩn/năm học, có từ 160 sinh viên trở lên được tính 120 giờ chuẩn/năm học.

- Giảng viên kiêm nhiệm phụ trách các phòng thực hành Lý-Hóa-Sinh:

+ Không hoạt động (không có lớp giảng dạy) tính 2 giờ chuẩn/tháng

+ Cho mượn dụng cụ hàng ngày được tính 4 giờ chuẩn/tháng.

+ Có hướng dẫn thực hành được tính bằng 1/3 tổng số tiết thực hành và 2 giờ chuẩn/tháng.

2. Giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể trong các trường cao đẳng sư phạm có nghĩa vụ giảng dạy theo định mức quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT-BHXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ

trưởng Bộ Tài chính.

3. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức giờ chuẩn giảng dạy thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm quy định tại Điều này.

### **Điều 7. Quy định về nghiên cứu khoa học**

1. Giảng viên phải thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong tổng quỹ thời gian quy định của năm học. Mỗi đề tài cấp cơ sở (cấp Trường) hoặc tương đương đạt yêu cầu được tính 690 giờ hành chính (230 giờ chuẩn giảng dạy); Mỗi đề tài cấp đơn vị (cấp Khoa và tương đương) hoặc tương đương đạt yêu cầu được tính 465 giờ hành chính (155 giờ chuẩn giảng dạy).

2. Việc giao và triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho giảng viên phải phù hợp với điều kiện, tiềm lực khoa học, chiến lược phát triển của trường cao đẳng sư phạm và phù hợp với năng lực chuyên môn của giảng viên.

3. Mỗi năm, giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; tối thiểu tương đương với một đề tài nghiên cứu khoa học cấp khoa hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên; hoặc một báo cáo chuyên đề tại hội thảo khoa học chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương.

Hiệu trưởng trường cao đẳng sư phạm giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho giảng viên và quy định cụ thể về số giờ nghiên cứu khoa học được quy đổi từ các loại hình sản phẩm khoa học và công nghệ, hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

4. Đối với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định, hiệu trưởng trường cao đẳng sư phạm căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan; đồng thời, cho phép bù giờ chuẩn giảng dạy sang giờ nghiên cứu khoa học đối với những giảng viên này.

5. Những nội dung được tính giờ chuẩn nghiên cứu khoa học và phương thức quy đổi:

TT	Nội dung nghiên cứu	Đơn vị tính	Giờ chuẩn giảng dạy
<b>Đề tài các cấp</b>			
1	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài	460
2	Đề tài cấp Bộ, Tỉnh		385
3	Đề tài cấp cơ sở và tương đương		230
4	Đề tài cấp đơn vị và tương đương		155
<b>Bài báo đăng các tạp chí khoa học chuyên ngành</b>			
5	Bài đăng tạp chí quốc tế thuộc danh mục hệ thống Web of Science (ISI), SCOPUS	Bài báo	460

6	Bài đăng tạp chí chuyên ngành được HĐCDGSNN quy định điểm tối đa 0,5 trở lên		230
7	Bài đăng tạp chí chuyên ngành có mã số ISSN, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học có mã số ISSN/ISBN		155
8	Bài đăng thông tin khoa học nội bộ của Trường		155
<b>Sách chuyên khảo, giáo trình</b>			
9	Sách/chương sách chuyên khảo quốc tế của Nhà xuất bản có mã số ISBN	Sách, GT	460
10	Sách/chương sách chuyên khảo trong nước của Nhà xuất bản có mã số ISBN. Giáo trình của Nhà xuất bản có mã số ISBN		385
Các tác phẩm văn học, nghệ thuật, sáng tạo KH-KT-CN được giải cấp trung ương (nhất, nhì, ba)		TP, ST	385
Các tác phẩm văn học, nghệ thuật, sáng tạo KH-KT-CN được giải cấp tỉnh (nhất, nhì, ba)		TP, ST	230
Luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, các sản phẩm khoa học khác được thay thế đề tài cấp cơ sở theo quy định		LA, LV, SPKH	230
Các sản phẩm khoa học khác được thay thế đề tài cấp đơn vị theo quy định		SP	155

Số giờ thực hiện nhiệm vụ NCKH được tính theo định mức quy định với kết quả thực hiện NCKH đạt được trong năm học.

### Chương III

## QUY ĐỔI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN RA GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VƯỢT ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

### Điều 8. Quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy

#### 1. Giảng dạy

a) Một tiết giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) cho tối đa 40 sinh viên được tính bằng 1,0 giờ chuẩn giảng dạy; một tiết giảng lý thuyết kết hợp làm mẫu ở thao trường, bãi tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, một tiết giảng môn học giáo dục thể chất được tính bằng 1,0 giờ chuẩn giảng dạy. Đối với lớp học có trên 40 sinh viên, cụ thể: từ 41 - 45 SV hệ số 1,1; từ 46 - 50 hệ số 1,2; từ 51 - 55 hệ số 1,3; từ 56 - 60 hệ số 1,4; trên 60 hệ số 1,5.

b) Một tiết giảng bằng tiếng nước ngoài đối với môn học không phải là môn ngoại ngữ được tính bằng 1,5 đến 2,0 giờ chuẩn giảng dạy.

c) Một tiết giảng chuyên đề, giảng lý thuyết cho các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ được tính bằng 1,5 đến 2,0 giờ chuẩn.

d) Một tiết hướng dẫn bài tập, thực hành, thí nghiệm, thảo luận trên lớp được tính được tính 0,65 giờ chuẩn.

e) Hướng dẫn thực tập: Phụ trách thực tập cho 01 đoàn được tính 2 giờ chuẩn/ngày.

f) Hướng dẫn đồ án, khóa luận TN: 10 giờ chuẩn /SV/đề tài, nếu cùng một đề tài thì số tiết hướng dẫn cho sinh viên tiếp theo được tính bằng  $\frac{1}{2}$  số tiết hướng dẫn cho sinh viên liền trước đó.

g) Hướng dẫn và chấm đề tài cuối khóa của học viên các lớp quản lý GD: 02 giờ chuẩn/đề tài/HV.

h) Hướng dẫn và chấm bài tập NCKH của SV theo quyết định của Hiệu trưởng: 02 SV đầu tính 02 giờ chuẩn/đề tài/SV; từ SV thứ ba đến SV thứ tám tính 01 giờ chuẩn/đề tài/SV; từ SV thứ chín trở đi tính 0,5 giờ chuẩn/đề tài/SV.

i) Giảng viên dạy các lớp tại Trường PTLC được quy đổi bằng 75% giờ dạy hệ cao đẳng.

j) Giờ dạy hệ trung cấp được quy đổi bằng 85% giờ dạy hệ cao đẳng.

k) Một giờ giảng dạy các lớp bồi dưỡng (cán bộ quản lý, tiếng Việt, tập huấn hộp thư điện tử và TTHTTT, các chứng chỉ đào tạo ngắn hạn khác) được quy đổi bằng 01 giờ chuẩn.

## 2. Các hoạt động chuyên môn khác

a) Quy đổi thời gian thực hiện các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn giảng dạy:

- Ra đề thi học phần, bao gồm đề thi và đáp án:

+ Tự luận: 60': 0,8 giờ chuẩn/đề; 90' – 120': 0,9 giờ chuẩn/đề; 150' – 180': 1,0 giờ chuẩn/đề.

+ Thực hành: bộ môn âm nhạc, thể dục, mầm non: 0,7 tiết/ giờ chuẩn/đề; mỹ thuật: 0,9 giờ chuẩn/đề; bộ môn khác: 0,5 giờ chuẩn/đề.

+ Vấn đáp: 0,4 giờ chuẩn/đề.

+ Trắc nghiệm: 1,0 giờ chuẩn/20 câu.

- Ra đề kiểm tra học trình (tối đa 01 bài kiểm tra/01 tín chỉ) được tính bằng  $\frac{1}{2}$  định mức của ra đề thi học phần.

- Duyệt đề thi, bao gồm đề thi và đáp án:

+ Tự luận: 0,3 giờ chuẩn/đề;

+ Thực hành, vấn đáp: 1,0 giờ chuẩn/10 đề

+ Trắc nghiệm: 1,0 giờ chuẩn/60 câu.

- Coi thi, trực thi:

+ Coi thi: <120': 0,75 giờ chuẩn/buổi;  $\geq 120'$ : 1,0 giờ chuẩn/buổi

+ Trực thi: 1,0 giờ chuẩn/buổi.

\* Các buổi coi thi, trực thi vào cuối tuần (thứ 7, chủ nhật) và trong thời gian nghỉ hè tính bằng 150% lần các buổi coi thi các ngày trong tuần.

- Chấm khóa luận:
    - + Chủ tịch HĐ: 2,0 giờ chuẩn/đề tài
    - + Thư ký: 1,5 giờ chuẩn/đề tài
    - + Phản biện: 3,0 giờ chuẩn/đề tài
    - + Ủy viên: 1,0 giờ chuẩn/đề tài
  - Chấm bài thi:
    - + Tự luận:  $\leq 90'$ : 1,0 giờ chuẩn/12 bài;  $> 90'$ : 1,0 giờ chuẩn/10 bài
    - + Trắc nghiệm:  $\leq 50$  câu: 1,0 giờ chuẩn/12 bài;  $> 50$  câu: 1,0 giờ chuẩn/10 bài
    - + Thực hành, Vấn đáp: 1,0 giờ chuẩn/15 SV + 0,75 giờ chuẩn (tính vào coi thi)
  - Chấm bài tập lớn (thay thi học phần), tiểu luận các khoá bồi dưỡng: 1,0 giờ chuẩn/10 bài
  - Chấm bài kiểm tra học trình: 1,0 giờ chuẩn/24 bài.
- b) Các hoạt động được quy đổi sang giờ chuẩn giảng dạy khác để bù giờ giảng dạy nếu còn thiếu so với định mức:
- Quy đổi giờ tham gia các Hội đồng/các Ban thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng

TT	Nhiệm vụ	Thời gian, công việc thực tế	Hệ số quy đổi	Quy đổi giờ chuẩn
1	Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban	1 buổi	1.4	2.10
2	P.Chủ tịch hội đồng/P.Trưởng ban	1 buổi	1.2	1.80
3	Thư ký Hội đồng	1 buổi	1.2	1.80
4	Trưởng tiểu ban	1 buổi	1.2	1.80
5	Phó tiểu ban	1 buổi	1.1	1.65
6	Thư ký tiểu ban	1 buổi	1.1	1.65
7	Ủy viên/Ban viên	1 buổi	1.0	1.50

Việc quy đổi giờ chuẩn của giảng viên tham gia các Hội đồng, các Ban theo quyết định của Hiệu trưởng được dựa trên cơ sở việc quy đổi giờ làm việc ra giờ chuẩn.

- Quy định định mức giờ đổi với hoạt động khác:
  - + Đọc phản biện đề cương NCKH cấp cơ sở 02 giờ chuẩn/phản biện.
  - + Đọc phản biện đề tài NCKH cấp cơ sở 05 giờ chuẩn/phản biện.
  - + Đọc phản biện đề cương NCKH cấp đơn vị 01 giờ chuẩn/phản biện.
  - + Đọc phản biện đề tài NCKH cấp đơn vị 2,5 giờ chuẩn/phản biện.

c) Đối với các nhiệm vụ đã có kinh phí hỗ trợ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không thực hiện quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ ra giờ chuẩn giảng dạy; tuy nhiên, các nhiệm vụ này được xem xét tính vào tổng định mức giờ chuẩn giảng dạy để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong năm đối với giảng viên không vượt định mức lao động.

### **Điều 9. Các hoạt động khác**

Hàng năm, giảng viên có 260 giờ thực hiện các hoạt động khác ngoài các hoạt động được quy đổi sang giờ chuẩn giảng dạy tại Điều 8, được quy định cụ thể như sau:

#### **\* Đối với giảng viên:**

- Sinh hoạt chuyên môn 10 buổi/năm được tính 40 giờ.
- Tham gia bồi dưỡng các chuyên đề, tập huấn CMNV: 20 giờ.
- Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ.
- Tham gia các hội thi NVSP, nghiệp vụ nghề: 5 buổi/năm được tính 20 giờ.
- Tham gia hội họp, các hoạt động chính trị - xã hội khác: 15 buổi/năm được tính 60 giờ.
- Các hoạt động CM khác được tính 50 giờ.

#### **\* Đối với giảng viên làm cán bộ quản lý:**

- Sinh hoạt chuyên môn 10 buổi/năm được tính 40 giờ.
- Tham gia bồi dưỡng các chuyên đề, tập huấn CMNV: 20 giờ.
- Tự học, tự nghiên cứu: 80 giờ.
- Tham gia hội họp, các hoạt động chính trị - xã hội khác: 30 buổi/năm được tính 120 giờ.

Giảng viên khi chưa thực hiện đủ 1.760 giờ hành chính trong năm học thì được Hiệu trưởng quyết định giao thêm nhiệm vụ kiêm nhiệm các công việc khác sẽ được quy đổi theo tỷ lệ 03 giờ hành chính tính bằng 01 giờ chuẩn.

Cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các hội đồng, ban kiêm nhiệm, tổ công tác, đoàn kiểm tra được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng (không bao gồm các hội đồng đã được thành toán theo quy định) được quy đổi giờ làm việc ra giờ chuẩn theo các chức danh quy định tại điểm b, mục 2, Điều 8 của quy định này.

### **Điều 10. Chế độ làm việc vượt định mức lao động**

1. Trong một năm học, giảng viên giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác vượt định mức và đảm bảo các hoạt động được quy định ở Điều 9 được hưởng chế độ làm việc vượt định mức theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian làm việc vượt định mức của giảng viên hằng năm không được vượt quá thời gian theo quy định của pháp luật về lao động.

## **Chương IV**

### **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ ÁP DỤNG THỜI GIAN LÀM VIỆC**

#### **Điều 11. Quản lý, sử dụng thời gian làm việc**

1. Hiệu trưởng căn cứ vào điều kiện cụ thể của đơn vị có trách nhiệm xác định quy mô lớp chuẩn; quy định chi tiết việc quy đổi ra giờ chuẩn đối với những thời gian cần thiết để thực hiện các công việc thuộc nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên.

2. Hiệu trưởng căn cứ các nhiệm vụ được quy đổi định mức lao động của Quy

định này để quy định cụ thể việc thực hiện nhiệm vụ NCKH và các hoạt động chuyên môn khác đối với giảng viên trong đơn vị.

### **Điều 12. Áp dụng định mức giờ chuẩn**

1. Giảng viên thực hiện NCKH, các hoạt động chuyên môn khác đảm bảo số giờ quy đổi theo định mức quy định và có số giờ giảng dạy vượt định mức giờ chuẩn thì được hưởng chế độ vượt định mức thực hiện theo quy định được cụ thể hóa trong Quy chế chi tiêu nội bộ Trường và theo quy định của Nhà nước.

2. Giảng viên giảng dạy, thực hiện NCKH, các hoạt động chuyên môn khác đảm bảo số giờ quy đổi theo định mức quy định giờ chuẩn thì được hưởng chế độ khi tham gia các hội đồng, hội nghị về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện theo quy định được cụ thể hóa trong Quy chế chi tiêu nội bộ Trường CĐSP Quảng Trị và theo quy định của Nhà nước.

3. Giảng viên không đủ số giờ chuẩn giảng dạy trong năm phải thực hiện các nhiệm vụ thay thế (nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyên môn, công tác hành chính tạm thời) đảm bảo số giờ quy đổi đủ số giờ chuẩn theo quy định.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 13. Trách nhiệm các đơn vị trực thuộc**

Các đơn vị trực thuộc Trường quản lý chương trình, kế hoạch về định mức giờ dạy theo thẩm quyền được giao, có trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện chế độ làm việc của giảng viên theo quy định tại Quy định này.

### **Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ **ngày 01 tháng 12 năm 2020** và thay thế Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường CĐSP Quảng Trị ban hành theo Quyết định số 51/QĐ-CĐSP ngày 05/3/2019 và các quy định trước đây trái với nội dung Quy định này đều bãi bỏ.

2. Trong trường hợp cần điều chỉnh, thay đổi phải được sự nhất trí của Hội nghị cán bộ chủ chốt nhà trường và được Hiệu trưởng ký quyết định.

3. Trưởng các đơn vị, đoàn thể và giảng viên thuộc Trường CĐSP Quảng Trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định theo Quy định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Đảng ủy, BGH;
- Các đơn vị, đoàn thể;
- Giảng viên;
- Lưu: TC-CT&CTSV, VT.



**Trương Đình Thăng**